

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN K  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 517/2020/HNGĐ-ST;  
Ngày: 23/9/2020  
V/v tranh chấp “Ly hôn”.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Cao Thị Thu Thủy;**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông **Nguyễn Văn Nam;**

2/ Bà **Nguyễn Thị Kim Hằng;**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Nguyễn Thị Kim Thor,** thư ký Tòa án nhân dân huyện K.

Ngày 23 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 350/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 151/2020/QĐXX-ST ngày 26/8/2020 giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: **Lê Vũ A** – sinh năm: 1984;

Địa chỉ: ấp H, xã C, huyện K, tỉnh Tiền Giang.

\* Bị đơn: **Phạm Thị Hồng B** - sinh năm: 1990;

Địa chỉ: ấp H, xã C, huyện K, Tiền Giang.

(Các đương sự vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Lê Vũ A trình bày:

Về tình cảm: Anh và chị Phạm Thị Hồng B sống chung vào năm 2010 do hai bên tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại xã Ủy ban nhân dân xã C vào ngày 27/7/2010. Cuộc sống chung của vợ chồng anh rất hạnh phúc nhưng đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do mâu thuẫn về tài chính, thường xuyên cự cãi. Vì vậy, vợ chồng anh đã ly thân từ năm 2015. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu được ly hôn với chị B.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Bị đơn chị Phạm Thị Hồng B vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ và không có ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của anh A.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự.

[1] Anh Lê Vũ A khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị Phạm Thị Hồng B, do đó Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn” theo quy định tại Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Anh A có đơn xin xét xử vắng mặt; chị B mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do do đó căn cứ Điều 228 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Đối với yêu cầu xin ly hôn của anh A, Tòa xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án, anh A trình bày nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là bất đồng quan điểm về tài chính và thường xuyên cự cãi nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, anh chị đã ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Tòa án đã triệu tập chị B nhiều lần nhằm tạo điều kiện cho anh chị hàn gắn mối quan hệ vợ chồng nhưng chị B vẫn vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu xin ly hôn của anh A, qua đó cho thấy chị B không có thành ý cứu vãn mối quan hệ hôn nhân với anh A. Do đó, Tòa án xét thấy mâu thuẫn giữa anh chị là trầm trọng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu của anh A, cho anh A được ly hôn với chị B.

[4] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Anh A khai không có nên Tòa án không xem xét.

[5] Về án phí: Anh A phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

## **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng các Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Điều 147, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Vũ A.

Về tình cảm: Anh Lê Vũ A được ly hôn với chị Phạm Thị Hồng B.

2. Án phí: Anh Lê Vũ A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003921 ngày 01/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, như vậy anh A đã thi hành xong.

3. Anh Lê Vũ A có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với chị Phạm Thị Hồng Yến có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án卷.

(Đã ký)

**Cao Thị Thu Thủy**